

Bản án số: 104/2024/HS-PT

Ngày: 25-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Nguyễn Trọng Quế

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Khả Khiêm, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Trương Thanh T** do có Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trương Thanh T**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức Tư pháp - Hộ tịch **xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trương Tấn Đ**, sinh năm 1950; Con bà **Lưu Thị T1**, sinh năm 1954; Anh chị em ruột có 06 người; Vợ: **Lâm Thị Trúc L**, sinh năm 1984 (Đã ly hôn năm 2020); con 02 người; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 30/01/2024, bắt tạm giam từ ngày 07/3/2024 cho đến nay. Bị cáo bị giam có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Việt E**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: **Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

2. Ông **Lê Trung K**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

3. Ông **Tô Văn L1**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: **Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân xã P. Địa chỉ: **Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Việt T2** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiếp nhận đơn tố giác của bà Nguyễn Thị L2, trú tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau tố giác ông Trần Việt E (chồng của bà L2) cùng một số cán bộ xã P làm giả hồ sơ, tài liệu để chuyển quyền sở hữu chung là 05 thửa đất cho ông E đứng tên chủ sở hữu nhằm mục đích chiếm đoạt.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2003, bà Nguyễn Thị L2 kết hôn với ông Trần Việt E, quá trình chung sống hai vợ chồng tạo lập được 08 thửa đất tọa lạc tại xã P, huyện T, gồm:

1. Thửa số 613, tờ bản đồ số 02, diện tích 785,6m², tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM432231, cấp ngày 01/6/2018.

2. Thửa số 635, tờ bản đồ số 02, diện tích 653,9m², tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM432715, cấp ngày 20/7/2018.

3. Thửa số 805, tờ bản đồ số 02, diện tích 986,9m², tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB204536, cấp ngày 25/5/2021.

4. Thửa số 867, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.363,3m², tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB178261, cấp ngày 29/7/2021 (thế chấp tại ngân hàng S).

5. Thửa số 727, tờ bản đồ số 02, diện tích 29,9m², tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD768505, cấp ngày 18/11/2021.

6. Thửa số 879, tờ bản đồ số 02, diện tích 1,644,0m², tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD768506, cấp ngày 18/11/2021.

7. Thửa số 1000, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.250,2m², tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI178302, cấp ngày 16/9/2021.

8. Thửa số 339, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.493,4m², tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB178302, cấp ngày 16/9/2021 (thế chấp tại A).

Tháng 12/2021, để thuận lợi trong việc kinh doanh và vay tiền tại ngân hàng, ông E và bà L2 lập hợp đồng ủy quyền (Trong đó bà L2 ủy quyền cho ông E có quyền sở hữu và định đoạt 08 thửa đất nêu trên để thực hiện giao dịch mua bán, vay tiền) đã được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực hợp đồng ủy quyền số 161, quyền số 01/2021-SCT/HĐ,GD ngày 13/12/2021.

Năm 2022, giữa ông E và bà L2 xảy ra mâu thuẫn và ly thân, bà L2 bỏ đi nơi khác sinh sống. Trong thời gian này, để có tiền sử dụng, đóng lãi ngân hàng và kinh doanh nên ông E nảy sinh ý định chuyển quyền tài sản chung 05 thửa đất cho mình

làm chủ sử dụng đất. Sau đó, ông E dùng điện thoại gọi cho ông Trương Thanh T (Công chức Tư pháp - Hộ tịch) cho biết muốn chuyển quyền sở hữu chung các thửa đất để sở hữu một mình, vì L2 bỏ nhà đi sẽ làm thất thoát tài sản, không mua bán và thế chấp vay tiền để quay vòng dòng tiền được? T trả lời “Làm được và yêu cầu ông E cung cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Sau đó, ông E mở kết sắt chung của 02 vợ chồng lấy 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (05 bản gốc, 02 bản phô tô do đã thế chấp ngân hàng) chụp và gửi 05 Giấy chứng nhận gốc cho T qua Zalo bao gồm: Các thửa đất số 635, 879, 272, 613 và 805. Từ cơ sở đó, T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên máy tính do mình sử dụng tại Ủy ban nhân dân xã P với nội dung bên tặng cho là ông E, bà L2; Bên nhận tặng cho là ông E, nội dung hợp đồng thể hiện bà L2 cho ông E toàn bộ phần diện tích đất 2.050,15m² (50% diện tích sở hữu riêng).

Khoảng 10 ngày sau, T in ấn và đem 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên (mỗi hợp đồng 02 tờ in một mặt) đến nhà cho ông E kiểm tra, ký tên. Sau đó ông E gọi điện thoại hỏi T “Ông E ký tên L2 được không? T trả lời “Sao cũng được hết”, sau khi nghe T trả lời ông E ký chữ “L2” vào mục bên tặng cho trên 03 bản của hợp đồng. Khoảng 07 ngày sau ông E mang 03 hợp đồng đến quán cà phê trước cổng Ủy ban nhân dân xã P đưa cho T, T kiểm tra thấy có đầy đủ chữ ký nên nhận và đem về cất giữ tại phòng làm việc của mình.

Ngày 13/6/2022, ông E gọi điện thoại hỏi T đã thực hiện xong việc chứng thực chưa, thì T mới lập “Lời chứng thực hợp đồng giao dịch” trên máy tính do T sử dụng tại Ủy ban nhân dân xã P, cho số 44/2022; Quyền số 01/2022-SCT/HĐ,GD ngày 13/6/2022, rồi ký vào mục người tiếp nhận hồ sơ, sau đó trình ông Tô Văn L1- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ký mục “Người thực hiện chứng thực” và đến bộ phận Văn thư đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã P. Sau đó lấy 02 bản của hợp đồng số: 44/2022 cùng tài liệu có liên quan đưa cho người chạy xe ôm nhờ nộp tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân huyện T, còn lại 01 bản đưa vào lưu trữ. Sau đó, người chạy xe ôm đem giấy hẹn nhận kết quả đưa lại cho T, T giao giấy hẹn cho Em.

Ngày 27/7/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806203, DG806204, DG806205, DG806206, DG806207. Ông E đã nhận.

Ngày 19/01/2023, ông E vay của ông Lê Trung K ở ấp C, xã P số tiền 300 triệu đồng, lãi suất 2,5% và đến Văn phòng C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giả cách kèm theo hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 10/01/2023) chuyển nhượng cho ông K thửa đất số 879, giấy GCN số DG806204. Cùng ngày ông K cho ông E vay tiếp số tiền 50 triệu đồng.

Đến ngày 15/02/2023, ông E vay thêm ông K số tiền 01 tỷ 150 triệu đồng và thế chấp thửa đất số 613, theo giấy GCN số DG806206 và viết biên nhận nợ tổng số tiền 1,5 tỷ đồng, lãi suất 2,5%. Số tiền này ông E sử dụng để trả nợ, lãi vay và đầu tư kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng.

* Vật chứng vụ án: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 44/2022-SCT/HĐ,GD ngày 13/6/2022 do Ủy ban nhân dân xã P Chứng thực; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806206, thửa đất số 613, tờ bản đồ số 02, diện tích

785,6m², địa chỉ Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 27/7/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806204, thửa đất số 879, tờ bản đồ số 02, diện tích 1644,0m², địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 27/7/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806203, thửa đất số 727, tờ bản đồ số 02, diện tích 29,9m², địa chỉ Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 27/7/2022 (bản gốc); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806205, thửa đất số 805, tờ bản đồ số 02, diện tích 985,9m², địa chỉ Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 27/7/2022 (bản gốc); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG806207, thửa đất số 635, tờ bản đồ số 02, diện tích 653,9m², địa chỉ Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 27/7/2022 (bản gốc) là tài liệu để giám định được đính trong hồ sơ vụ án.

Kết quả giám định: 314/KL-KTHS, ngày 14/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh C kết luận: Chữ ký “Ly”, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị L2” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1), so với chữ ký “Ly”, chữ viết Nguyễn Thị L2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) là do cùng một người ký và viết ra; (T3 do ông Trần Việt E ký và viết ra).

Chữ ký “Ly”, phía dưới chữ ký có họ tên Nguyễn Thị L2 dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3, A4), so với chữ ký “Ly”, phía dưới chữ ký có họ tên Nguyễn Thị L2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) là không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký “Ly”, phía dưới chữ viết họ tên “Nguyễn Thị L2” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3, A4), so với chữ ký “Ly”, trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7 đến M10) là do cùng một người ký và viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024, huyện T, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Thanh T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/3/2024.

Ngoài ra, còn tuyên về xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị số: 04/QĐ-VKS ngày 20/9/2024 của Viện Trưởng VKSND tỉnh Cà Mau: Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xử Trương Thanh T điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự; và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Việt E đồng phạm với bị cáo Trương Thanh T về tội “Giả mạo trong công tác”, với vai trò giúp sức.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ điều tra, xét xử lại theo hướng: Xét xử Trương Thanh T về tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự; và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Việt E đồng phạm với bị cáo Trương Thanh T về tội “Giả mạo trong công tác” với vai trò giúp sức.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị hủy án sơ thẩm lý do án sơ thẩm xử bị cáo **Trương Thanh T** điểm b khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự là không đúng, theo đó phải điều tra làm rõ, xử bị cáo **T** về tội “*Giả mạo trong công tác*” tại điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Trần Việt E** đồng phạm với bị cáo **Trương Thanh T** về tội “*Giả mạo trong công tác*” với vai trò giúp sức. Thấy rằng:

[1.1] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo **Trương Thanh T:**

Xuất phát từ động cơ cá nhân, giữa bị cáo với ông **Trần Việt E** có mối quen biết từ trước, nên khi ông **E** nhờ bị cáo **T** giúp làm hợp đồng tặng cho các thửa đất 635, 879, 727, 613 và 805 từ bà **Nguyễn Thị L2** tặng cho ông **Trần Việt E**; mục đích chuyển quyền sử dụng đất đứng tên chung của ông **Trần Việt E**, **Nguyễn Thị L2** cho riêng ông **Trần Việt E** làm chủ sử dụng đất, thì bị cáo **T** đồng ý. Bị cáo **T** lợi dụng nhiệm vụ là công chức tư pháp - Hộ tịch trực tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thủ tục chứng thực (theo Thông báo số: 69/TB-UBND ngày 24/8/2021 và Thông báo số: 70/TB-UBND ngày 30/9/2022), bị cáo sử dụng máy tính bàn làm việc tại đơn vị để soạn thảo hợp đồng tặng cho 50% (05 thửa đất nêu trên) từ bà **Nguyễn Thị L2** cho ông **Trần Việt E**. Bị cáo biết hợp đồng trên là do ông **E** giả mạo chữ ký của bà **L2**, nhưng bị cáo vẫn lập lời chứng thực hợp đồng giao dịch và ký vào bên tiếp nhận hồ sơ, rồi trình ông **Tô Văn L1** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **T** ký chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 44/2022, Quyền số 01/2022-SCT//HĐ,GD ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã **P**. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 44/2022 gồm: 03 bản, 01 bản bị cáo **T** lưu tại bộ phận; còn 02 bản **T** nộp đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân huyện **T** cùng với một số tài liệu khác để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông **E**.

Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trương Thanh T** tội “*Giả mạo trong công tác*” theo quy định tại Điều 359 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, xét xử bị cáo tại điểm b khoản 1 Điều 259 Bộ luật Hình sự là không đúng khoản của Điều luật. Bởi lẽ, bị cáo **T** là người có trách nhiệm lập (hoặc cấp) các giấy tờ, tài liệu; và bị cáo làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 03 giấy tờ giả (03 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 44/2022), nên bị cáo **T** phải bị xử về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[1.2] Đối với hành vi của ông **Trần Việt E:**

Ông **Trần Việt E** giả chữ ký của bà **Nguyễn Thị L2** (theo lời hướng dẫn của bị cáo **T**) trên 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 44/2022; Quyền số 01/2022- SCT//HĐ,GD ngày 13/6/2022, nhằm chuyển quyền sử dụng chung là 05 thửa đất là tài sản chung của vợ chồng sang cho ông **E** đứng tên riêng. Quá trình điều tra, ông **E** thừa nhận đã ký giả chữ ký của bà **L2** trong 03 hợp đồng tặng cho (phù hợp với kết quả giám định) để chuyển thành tài sản riêng cho ông **E**. Ngay từ

đầu, ông E kể cho T biết việc L2 bỏ nhà đi, nên giữa ông E và T đã có trao đổi về cách thức thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Giữa T và ông E có sự thống nhất ý chí và cấu kết thực hiện. Bởi nếu ông E không cung cấp thông tin 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bị cáo T không có thông tin để lập hợp đồng tặng cho; nếu không có ông E ký giả tên bà L2, thì T không thể soạn thảo hợp đồng để lập thủ tục chứng thực 03 hợp đồng nêu trên trình ông Tô Văn L1 ký. Ngược lại, nếu không có T là người có nhiệm vụ chứng thực lập hợp đồng tặng cho không đúng quy định, thì ông E không thể chuyển dịch tài sản chung của vợ chồng thành tài sản riêng của ông E.

Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm chưa làm rõ động cơ, mục đích của ông Trần Việt E về hành vi làm giả 03 hợp đồng tặng cho 05 Quyền sử dụng đất từ tài sản chung của vợ chồng ông E bà L2 sang tài sản riêng của ông E. Bởi vì, nếu chỉ vì mục đích thế chấp đất để vay tiền làm ăn, thì bà L2 đã ủy quyền cho ông E bằng Hợp đồng ủy quyền số: 161 ngày 13/12/2021 (không cần chuyển tên riêng cho ông E, thì ông E mới làm thủ tục vay được).

Do đó, việc không điều tra làm rõ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Việt E là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

[2] Do các sai sót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc: Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về Hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ điều tra, xét xử bị cáo Trương Thanh T theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự; và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Việt E đồng phạm với bị cáo Trương Thanh T về tội “Giả mạo trong công tác” với vai trò đồng phạm giúp sức là phù hợp.

[3] Quá trình xét xử, Tòa sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung các vấn đề nêu trên, nhưng không được chấp nhận, nên không có lỗi chủ quan của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Do hủy án, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận Kháng nghị số: 04/QĐ-VKS ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024, huyện T, tỉnh Cà Mau để điều tra lại.

Giao toàn bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Thanh T đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý lại vụ án.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Út